

Bản án số: 19/2022/DS-ST  
Ngày: 01-4-2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Hà Ứng Cường

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự số: 10/2022/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)  
HKTT: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.  
Chỗ ở hiện nay: Ấp Th, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.
2. *Bị đơn:* Bà Hồ Hoàng H, sinh năm 1958 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Nguyên do chỗ quen biết nên bà Hồ Hoàng H có vay tiền của ông Nguyễn Văn T nhiều lần, cụ thể như sau: Vào ngày 07-9-2020 bà H vay tiền của ông T là 14.000.000 đồng, tiếp tục đến ngày 25-9-2020 bà H vay ông T số tiền 24.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 38.000.000 đồng. Bà H có viết biên nhận cho ông T giữ và hứa hẹn 03 tháng sau sẽ trả hết tiền gốc và đến lúc đó sẽ cho ông T một số tiền lãi, chứ hai bên không thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu. Khi đến thời hạn trả tiền mà không thấy bà H trả tiền nên ông T đến nhà bà H đòi tiền mới biết bà đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01 năm 2021. Hiện nay bà H còn nợ ông T số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng, ông T yêu

cầu bà H trả cho ông 38.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền lần thứ hai là ngày 25-9-2020 cho đến ngày xét xử.

*Bị đơn bà Hồ Hoàng H:* Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bà H vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Hồ Hoàng H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 19-4-2021 ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Hồ Hoàng H trả cho ông số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Hồ Hoàng H không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Hồ Hoàng H trả số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền lần thứ hai là ngày 25-9-2020 cho đến ngày xét xử, Tòa án nhận thấy:

Từ ngày 07-9-2020 đến ngày 25-9-2020 ông Nguyễn Văn T cho bà Hồ Hoàng H vay tổng cộng số tiền là 38.000.000 đồng, bà H chưa đóng lãi và cũng không trả vốn gốc cho ông T. Xét thấy số tiền 38.000.000 đồng ông Nguyễn Văn T kiện bà Hồ Hoàng H tuy chưa được bà H thừa nhận tại Tòa án nhưng căn cứ vào các biên nhận do nguyên đơn cung cấp có nội dung: Ngày 07-9-2020 bà H vay ông T 14.000.000 đồng và ngày 25-9-2020 bà H vay ông T 24.000.000 đồng đều có chữ viết và chữ ký

xác nhận của bà H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy bà H đã tự từ bỏ quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, việc ông T yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc 38.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông T về việc tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 38.000.000 đồng từ ngày 25-9-2020 cho đến ngày xét xử 01-4-2022:

Theo như ông T trình bày thì ông cho bà H vay tiền không thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, mà bà H chỉ hứa trả cho ông một số tiền lãi khi trả tiền gốc và trong biên nhận vay tiền giữa ông T và bà H cũng không thể hiện lãi suất nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm = 0,833%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 38.000.000 đồng tính lãi từ ngày 25-9-2020 đến ngày xét xử 01-4-2022 là 18 tháng 07 ngày, tiền lãi là: 38.000.000 đồng x 0,833% x 18 tháng 07 ngày = 5.771.577 đồng;

[3] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Căn cứ các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T; buộc bà Hồ Hoàng H phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.771.577 đồng, tổng cộng là 43.771.577 đồng.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông T là: 43.771.577 đồng x 5% = 2.188.578 đồng.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 950.000 đồng cho ông T theo biên lai thu số 0001664 ngày 20-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.**

2. Buộc bà Hồ Hoàng H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.771.577 đồng, tổng cộng là 43.771.577 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Hoàng H có nghĩa vụ nộp án phí 2.188.578 đồng (Hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng).

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 950.000 đồng cho ông T theo biên lai thu số 0001664 ngày 20-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**

